

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 331/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 15/5/2020

V/v Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TP.HỒ CHÍ MINH**

Với Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Yến Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Chính

2. Bà Nguyễn Thị Tịnh Tâm

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Thị Hiếu Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện H.

Đại diện VKSND huyện H tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lý - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 5 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1306/2019/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 45/2020/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim P, Sinh năm 1989

Địa chỉ: XXX Gia Phú, phường 3, quận 6, TPHCM

Tạm trú: YYY Phan Văn Đồi, ấp TL, xã BĐ, huyện H, Tp.HCM.

Bị đơn: Ông Hoắc Kim Q, Sinh năm 1981

Địa chỉ: XXX Gia Phú, phường 3, quận 6, TPHCM.

Tạm trú: YYY Phan Văn Đồi, ấp TL, xã BĐ, huyện H, Tp.HCM.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19/9/2019, Bản tự khai ngày 21/11/2019, Biên bản không tiến hành hòa giải được các ngày 07/01/2020, ngày 02/3/2020 và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim P trình bày:

Sau một thời gian tự nguyện tìm hiểu, năm 2009 bà P, ông Q tự nguyện quyết định xây dựng hạnh phúc gia đình, có tổ chức lễ cưới và đến năm 2012 thì

đăng ký kết hôn tại UBND phường 3, quận 6, TPHCM, Tp.HCM theo quy định. Sau khi đăng ký kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2015 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp, thường xuyên cãi vã, đánh đập nhau, ông Q không chăm lo cho vợ con, không có trách nhiệm với gia đình, bạo hành vợ nhiều lần. Năm 2019, sau khi bị ông Q đánh, bà P và các con dọn ra ở riêng và ly thân với ông Q đến nay. Nhận thấy cuộc sống chung không hạnh phúc, không còn tin tưởng nhau, mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã nhiều lần hàn gắn nhưng không được. Nay bà P yêu cầu được ly hôn với ông Q theo quy định của pháp luật.

Về con chung: 02 trẻ tên: Hoắc Gia M, sinh ngày 23/02/2010 và Hoắc Bảo N, sinh ngày 02/9/2013, sau ly hôn bà P yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết, Tòa án đã tổ chức các phiên hòa giải cho các bên đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng phía bị đơn là ông Hoắc Kim Q vắng mặt không đến Tòa án để tiến hành hòa giải mặc dù đã được tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhiều lần nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Vì vậy, tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự để Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

Tại phiên tòa, đại diện VKSND huyện H đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng quy định của Luật Hôn nhân gia đình và Bộ luật Tố tụng dân sự chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện H nhận định:

[1]Về tố tụng:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim P khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Hoắc Kim Q, quan hệ tranh chấp giữa bà P và ông Q là ly hôn theo yêu cầu của một bên được quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình 2014. Bị đơn là ông Hoắc Kim Q có tạm trú tại YYY Phan Văn Đối, ấp TL, xã BĐ, huyện H, Tp.HCM nên căn cứ vào khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H.

[2]Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Kim P và ông Hoắc Kim Q: Bà P, ông Q tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 3, quận 6, TPHCM, Tp.HCM ngày 18/02/2012 nên đây là hôn nhân hợp pháp theo điều 08, điều 09 của Luật hôn nhân gia đình nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Nay bà P yêu cầu ly hôn với ông Q nên Tòa án nhân

dân huyện H căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 để giải quyết. Quá trình giải quyết và tại phiên tòa hôm nay bà P vẫn cương quyết xin ly hôn với ông Q do bất đồng quan điểm sống, không còn tình yêu thương vợ chồng.

Hội đồng xét xử xét thấy bà P và ông Q có thời gian chung sống từ năm 2009 đến năm 2019, quá trình chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không còn tin tưởng và tôn trọng nhau, mặc dù hai bên đã nhiều lần hàn gắn nhưng không được. Năm 2019 bà P đã ly thân với ông Q và từ đó đến nay không có tin tức gì về ông Q, ông Q cũng không liên lạc và không thăm nom, chăm sóc con chung cũng như không có động thái gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà P. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà P và ông Q là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà P là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà P được ly hôn với ông Q theo quy định.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống bà P và ông Q có 02 trẻ tên: Hoắc Gia M, sinh ngày 23/02/2010 và Hoắc Bảo N, sinh ngày 02/9/2013, sau ly hôn bà P yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con.

Tòa án có tiến hành thu thập lời khai ghi nhận ý kiến của trẻ Mẫn, tại bản tự khai trẻ Mẫn có nguyện vọng muốn được ở cùng mẹ. Hội đồng xét xử xét thấy hiện tại cả hai trẻ Mẫn, Ngọc đang sống cùng mẹ nên việc giao cả hai trẻ cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với điều kiện hiện nay và phù hợp với nguyện vọng của trẻ Mẫn nên Hội Đồng xét xử quyết định giao cả hai trẻ Mẫn, Ngọc cho bà P nuôi dưỡng, Tạm ngừng việc cấp dưỡng nuôi con đối với ông Q cho đến khi có đơn yêu cầu của bà P.

- Về tài sản chung, nợ chung: Dương sự khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với bị đơn là ông Hoắc Kim Q vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa không có lý do dù đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định. Điều này chứng tỏ ông Q không quan tâm đến việc giải quyết và hàn gắn gia đình nên không có cơ sở xem xét yêu cầu của bị đơn và vẫn tiến hành xét xử vắng mặt của bị đơn theo quy định của pháp luật.

[4] Về ý kiến của VKSND huyện H tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng quy định của Luật Hôn nhân gia đình và Bộ luật Tố tụng dân sự chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị này có căn cứ nên chấp nhận.

[5] Về án phí HNGĐ sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Kim P chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 điều 28, Điểm a khoản 1 điều 35, Điểm a khoản 1 điều 39 và Điều 227 Bộ Luật Tổ tụng dân sự 2015; Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim P: Bà Nguyễn Thị Kim P, sinh năm 1989 được ly hôn với ông Hoắc Kim Q, sinh năm 1981.

2. Về con chung: Có 02 con chung tên Hoắc Gia M, sinh ngày 23/02/2010 và Hoắc Bảo N, sinh ngày 02/9/2013, sau ly hôn giao cả hai trẻ Mẫn, Ngọc cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm ngừng việc cấp dưỡng nuôi con đối với ông Hoắc Kim Q cho đến khi có yêu cầu của bà P.

Vì lợi ích con chung, bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến quyền này. Khi cần thiết một hoặc cả hai bên có thể yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về án phí HNGĐST: Bà Nguyễn Thị Kim P phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0008675 ngày 15/10/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H. Bà P đã nộp xong án phí HNGĐST.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 06, 07 và 09 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày niêm yết hoặc tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKDND H.Học Môn;
- Chi cục THADS H.Học Môn;
- UBND phường 3, quận 6, TPHCM;
- Lưu: HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Hoàng Thị Yến Ngọc